

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026
nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 9970/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương số tiền 409,870 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khoá IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các phường, xã;
- VP: LĐ và các CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Đức Tiến



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số **39** /NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Đanh mục dự án		Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026			Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số QĐ phê duyệt ĐA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó			
				Tổng số	Tr.đó: NSTU								NSDP	NSTW		
	TỔNG CỘNG															

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026		Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Tr.đó: Năm 2026	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trong đó	
						Tổng số	Tr.đó: NSTU										NSDP	NSTW
3	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự	Huế	2026-2028			110.000		25.000	25.000	25.000	0	-25.000	0		Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Huế	Dự án chuẩn bị đầu tư chung		
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					60.100	20.000	28.382	10.000	10.000	0	0	-10.000	0	0			
1	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2025		2022-2026			60.100	20.000	28.382	10.000	10.000	0	-10.000	0		Các HTX	ưu tiên thanh toán vốn kè dãi; HT2026, hết nhiệm vụ chi		
VIII	Dự án chuyển tiếp cấp huyện (cũ) bàn chuyển lên thành phố					630.776	0	152.016	51.750	21.750	52.559	47.509	-16.700	0	0	0		
1	Đường dọc sông Như Ý thuộc khu B - Đô thị mới An Vân Dương, phường Thuỷ Vân, Tp Huế		2024-2026		8472 ngày 07/11/2022	328.048		15.000	15.000	0	20.000	20.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ		
2	Đường dọc sông Nhất Đồng thuộc khu B Đô thị mới An Vân Dương, Phường An Đông, Tp Huế		2024-2026		8572 ngày 08/11/2022	163.127		15.000	15.000	0	26.839	26.839	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ		
3	Trường THCS Lê Quang Tiến. Hạng mục: Khởi nhà học bộ môn 02 tầng 06 phòng học	Kim Trà	2024-2026		404 ngày 25/4/2023	8.319		5.200	4.000	4.000	2.300	-1.700	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
4	Nhà 02 tầng 04 phòng học trường mầm non Hương Xuân	Kim Trà	2024-2026		732 ngày 26/6/2025	4.958		3.190	3.000	3.000	350	-2.650	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	ưu tiên thanh toán vốn kè dãi; HT2026, hết nhiệm vụ chi		
5	Trường TH số 2 Hương Xuân, HM: Nhà 02 tầng 06 phòng học	Kim Trà	2024-2026		304 ngày 31/3/2023	6.822		5.000	5.000	5.000	0	-5.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	ưu tiên thanh toán vốn kè dãi; HT2026, hết nhiệm vụ chi		
6	Cầu Phú Lương B, huyện Quảng Điền	Quảng Điền	2024-2026		1221 ngày 12/4/2024	14.351		11.450	1.000	1.000	0	-1.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
7	Nhà đa năng Trường THCS Đặng Dung	Quảng Điền	2022-2026		1794 ngày 20/7/2022 3457 ngày 07/11/2025	6.700		5.344	1.000	1.000	0	-1.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
8	Sửa chữa các hạng mục Nghĩa Trang nhân dân Chấn Mây, xã Lộc Thủy	Chấn Mây - Lăng Cô	2022-2026		236 ngày 27/01/2022	10.500		10.452	500	500	0	-500	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
9	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường nằm trong vùng bị ảnh hưởng khai thác khoáng sản, Lộc Bình	Phú Lộc	2024-2026		2185 ngày 26/06/2024	3.000		2.791	500	500	400	-100	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
10	Đường vào Chùa Quốc Tự Thành Duyên	Vĩnh Lộc	2024-2026		2893 ngày 28/08/2024	4.850		4.135	250	250	0	-250	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
11	Hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang vùng các xã khu 3 - hạng mục: đường giao thông và cắm mốc phân lô	nhiều xã	2024-2026		1774 ngày 24/05/2024	2.240		1.966	700	700	970	270	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026		
12	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch dân cư số 02 đường trục chính đô thị La Sơn	Hưng Lộc	2023-2026		3344 ngày 09/11/2021 3255 ngày 27/6/2025	25.600		21.702	1.300	1.300	1.700	400	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT 2026		
13	Đường Nguyễn Văn Chính (đường Thanh Lam-Trung Nữ Vương)	Thanh Thủy	2022-2026		198 ngày 27/01/2022 1226 ngày 04/4/2025 1665 ngày 29/4/2025	37.311		36.900	900	900	0	-900	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
14	Đường quy hoạch liên xã Vĩnh Thanh - Vĩnh Xuân (giai đoạn 1)	Phú Vĩnh	2024-2026		3633 ngày 22/12/2022	14.950		13.886	3.600	3.600	0	-3.600	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chi		
B	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết									28.000	28.000	10.000	-10.000	0	0	0		
I	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					114.116	0	28.000	28.000	28.000	28.000	10.000	-10.000	0	0	0		
a	Dự án khởi công mới năm 2026					114.116	0	28.000	28.000	28.000	28.000	10.000	-10.000	0	0	0		
1	Trường THPT An Lương Đông	Lộc An	2026-2028		943 ngày 22/03/2026	42.430		8.000	8.000	8.000	13.000	5.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3			
2	Trường THPT Cao Thắng	Thuận Hoà	2026-2028			22.186		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án chuẩn bị đầu tư chung; đang tiến hành thủ tục cấp nhập trường lên cấp		
3	Trường THPT Hương Thủy (giai đoạn 3)	Thanh Thủy	2026-2028		919 ngày 19/03/2026	49.500		10.000	10.000	10.000	15.000	5.000	0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 3			
C	Nguồn thu sử dụng đất					6.142.962	1.339.249	3.040.298	612.400	663.064	663.064	293.640	-293.640	50.000	50.000	0		
	Các hoạt động kinh tế					4.994.390	1.329.249	2.656.142	433.500	469.164	446.714	189.214	-211.664	0	0	0		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					414.087	100.000	83.000	77.000	77.000	53.500	11.500	-35.000	0	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					19.822	0	18.000	12.000	12.000	13.500	1.500	0	0	0	0		

Số TT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt ĐA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó			
						Tổng số	Tr.đó: NSTU								NSDP	NSTW		
1	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ biển đoạn qua xã Giang Hải (nay là xã Vĩnh Lộc)	Vĩnh Lộc	2025-2027		2627 ngày 19/8/2025	19.822		18.000	12.000	12.000	13.500	1.500		0			Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT TP Huế	HT2026
b Dự án khởi công mới năm 2026							394.265	100.000	65.000	65.000	65.000	40.000	10.000	-35.000	0	0	0	
1	Kê gia cố các đoạn xung yếu còn lại thuộc hệ thống tiêu thoát lũ Phố Lợi, Phú Khê, La Ý, Mậu Tài, Lợi Nông và công trình trên tuyến	Mỹ Thuận, Thuận An, Vụ Dạ	2026-2029	6,1km	1799 ngày 02/6/2026	167.000	100.000	15.000	15.000	15.000	25.000	10.000	0	0			Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT TP Huế	
2	Thoát nước khu vực phường Phú Bài và xã Thủy Phú	Phú Bài	2026-2028		1636 ngày 25/5/2026	154.209		30.000	30.000	30.000	15.000		-15.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	
3	Trồng rừng ngập mặn tại khu vực Rú Chá	Hóa Châu	2025-2027	17,65ha		73.056		20.000	20.000	20.000	0		-20.000	0			Ban QL Rừng phòng hộ Bắc Sông Hương	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
II Giao thông							1.117.049	2.187.595	201.500	204.500	120.500	30.000	-114.000	0	0	0		
a Dự án chuyển tiếp sang năm 2026							2.310.656	1.117.049	2.078.595	92.500	92.500	120.000	30.000	-2.500	0	0	0	
1	Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sông Hương	Kim Long, Thủy Xuân	2023-2026	C 590m, D 1,08km	2177 ngày 09/9/2022; 2849 ngày 05/11/2024; 3106 ngày 30/9/2025	2.281.569	1.117.049	2.050.056	90.000	90.000	120.000	30.000	0	0			Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế, Trung tâm Công viên cây xanh TP Huế	TMDT GD1: 1.856 tỷ đồng
-	Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sông Hương	Kim Long, Thủy Xuân	2023-2026	C 590m, D 1,08km	2177 ngày 09/9/2022; 2849 ngày 05/11/2024; 3106 ngày 30/9/2025; 3291 ngày 16/10/2025	2.239.609	1.117.049	2.025.674	80.000	80.000	100.000	20.000		0			Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Dự án hoàn thành 2026
-	Dự án thành phố: Chính trang cảnh quan bờ bắc cầu Nguyễn Hoàng	Kim Long	2025-2026		3106 ngày 30/9/2025; 3291 ngày 16/10/2025	41.960		24.382	10.000	10.000	20.000	10.000		0			Trung tâm Công viên cây xanh TP Huế	Dự án hoàn thành 2026
2	Chính trang vỉa hè, cây xanh trung tâm huyện A Lưới	A Lưới 2	2021-2026	1,8km	1501 ngày 23/6/2021	29.087		28.539	2.500	2.500	0		-2.500	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	HT2026, kết nhiệm vụ chỉ
b Dự án khởi công mới năm 2026							762.834	0	109.000	109.000	112.000	500	0	-111.500	0	0	0	
1	Đường Trần Phú - Ngự Bình, phường Thuận Hòa	Thuận Hoà	2026-2028	795m		176.691		18.000	18.000	18.000	0		-18.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
2	Đường Vành đai 2 nối dài (Đoạn từ giao với đường Vành đai 2 và Nguyễn Văn Linh đến giao với đường Hà Công)		2026-2029	2,5 km		200.000		20.000	20.000	20.000	0		-20.000	0			Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
3	Nâng cấp mở rộng đường Nam Cao (đoạn từ QL 1A đến đường tránh thành phố Huế)	Phú Bài	2026-2028		1753 ngày 01/6/2026	100.000		15.000	15.000	18.000	500		-17.500	0			Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông TP Huế	
4	Đường gom khu vực phường Phong Thu và phường Phong An, thị xã Phong Điền	Phong Điền, Phong Thái	2026-2027			14.600		8.000	8.000	8.000	0		-8.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
5	Đường gom khu vực phường Thanh Thủy và phường Phú Bài, thành phố Huế	Thanh Thủy, Phú Bài	2026-2027			17.210		8.000	8.000	8.000	0		-8.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
6	Xây dựng hệ thống đường gom, xóa bỏ lối đi tự mở và các vị trí nguy hiểm thuộc tuyến đường sắt Bắc - Nam trên địa bàn phường Hương An	Hương An	2026-2027			37.283		10.000	10.000	10.000	0		-10.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
7	Đường gom kết nối vào hầm chui, đường ngang nhằm đảm bảo an toàn giao thông tuyến đường sắt qua địa bàn các xã Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc và Chân Mây - Lăng Cô	Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc và Chân Mây - Lăng Cô	2026-2027			66.740		10.000	10.000	10.000	0		-10.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
8	Đường Đào Tấn nối dài đến đường Ngự Bình, thành phố Huế (Hoàn chỉnh tuyến đường Vành Dại 1)	Thuận Hoà	2026-2028	900m		150.310		20.000	20.000	20.000	0		-20.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm
III Khu công nghiệp và khu kinh tế							119.085	0	56.674	30.000	30.000	64.000	34.000	0	0	0	0	
a Dự án chuyển tiếp sang năm 2026							119.085	0	56.674	30.000	30.000	64.000	34.000	0	0	0	0	
1	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu phi thuế quan Chân Mây – giai đoạn 1 (tên cũ là: Hệ thống cây xanh cách ly theo quy hoạch tại các khu đất tiếp giáp đường nối Quốc lộ 1A ra cảng Chân Mây và đường giữa khu công nghiệp số 2 và số 3)	Chân Mây - Lăng Cô	2023-2026		164 ngày 10/8/2023	119.085		56.674	30.000	30.000	64.000	34.000		0			Ban QLDA ĐTXD khu vực Khu Kinh tế, công nghiệp	Đẩy nhanh tiến độ
IV Du lịch							67.596	0	20.000	20.000	20.000	50.000	30.000	0	0	0	0	
a Dự án khởi công mới năm 2026							67.596	0	20.000	20.000	20.000	50.000	30.000	0	0	0	0	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026		Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ phê duyệt ĐA: ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Tr.đầu Năm 2026	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trưng đó	
						Tổng số	Tr.đầu NSTU										NSDP	NSTW
1	Tu bổ di tích tuyến đường làng, bên nước và không gian cảnh quan ven sông Làng cổ Phước Tích	Phong Dinh	2026-2028		1794 ngày 25/6/2025	67.596		20.000	20.000	20.000	50.000	30.000		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Đẩy nhanh tiến độ		
V	Công nghệ thông tin					520.500		34.940	15.000	47.664	69.000	39.000	-17.664	0	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					50.500		34.940	15.000	15.000	25.000	10.000	0	0	0	0		
1	Tòa nhà Trung tâm Công nghệ Thông tin tỉnh TTH	Thanh Thủy	2023-2026	3.569m2	1412 ngày 10/6/2021 1184 ngày 25/4/2025	50.500		34.940	15.000	15.000	25.000	10.000		0		Trung tâm Công nghệ thông tin TP Huế	Đẩy nhanh tiến độ	
b	Dự án khởi công mới năm 2026					470.000	0	0	0	32.664	44.000	29.000	-17.664	0	0	0		
1	Nền tảng hạ tầng: Trung tâm dữ liệu thành phố Huế đủ năng lực đảm bảo phát triển chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh đến năm 2030	Huế	2026-2027		1958 ngày 15/6/2026	50.000				10.000	32.000	22.000	0	0		Sở Khoa học và Công nghệ		
2	Đầu tư hạ tầng IOT đến thôn, tổ trên địa bàn thành phố Huế	Huế	2026-2029			200.000				10.000	0	-10.000	0			Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
3	Nền tảng điều hành đô thị thông minh dùng chung toàn thành phố theo hướng "Điều hành trực tuyến"	Huế	2026-2029			200.000				7.664	0	-7.664	0			Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
4	Nền tảng dùng chung thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu từ các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống internet vạn vật (IoT) phục vụ cho kịch bản điều hành dịch vụ đô thị thông minh	Huế	2026-2027		1960 ngày 15/6/2026	20.000				5.000	12.000	7.000	0	0		Sở Khoa học và Công nghệ		
VI	Công trình công cộng tại các đô thị							112.200	273.933	90.000	90.000	89.714	44.714	-45.000	0	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026							112.200	243.933	60.000	60.000	89.714	44.714	-15.000	0	0	0	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tổ 6, khu vực 1, phường Thủy Xuân	Thủy Xuân	2016-2026	1,7ha; 112 lã	2166 ngày 28/4/2014 966 ngày 11/5/2016	69.100		40.000	15.000	15.000	0	-15.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Vướng mắc trong công tác bàn giao B3; mục tiêu dự án: tái định cư cho DA Vĩnh Đại 3, tuy nhiên đã có tái định cư tại vị trí khác	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 11)	Hương Sơ	2022-2026	4,44ha	1268 ngày 16/3/2024	75.970		48.000	8.000	8.000	12.000	4.000		0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Dự án hoàn thành 2026	
3	Khu tái định cư đường Tô Hữu nổi đất, thị xã Hương Thủy (Giai đoạn thực hiện dự án)	Hương Thủy	2025-2027	7,5ha	609 ngày 05/3/2025	118.733		43.733	20.000	20.000	45.000	25.000		0		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Đẩy nhanh tiến độ	
4	Khu tái định cư B5 thuộc Hạ tầng khu đô thị mới Thuận An	Thuận An	2022-2026	4,62ha	726 ngày 05/4/2023; 1146 ngày 06/4/2026	198.443	112.200	112.200	17.000	17.000	32.714	15.714		0		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	HT 2026	
b	Dự án khởi công mới năm 2026					337.386	0	30.000	30.000	30.000	0	0	-30.000	0	0	0		
1	HTKT khu tái định cư OTT-27, OTT-28 thuộc Khu E-AVD	Vỹ Dạ	2026-2028	9,7ha		166.241		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0			Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu TDC OTT26, CV3, TH6 thuộc Khu C - An Văn Dương	Mỹ Thuận	2027-2029	4,37ha		74.895		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0			Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phường Phong Phú	Phong Phú	2026-2028			96.250		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
VII	Khoa học, công nghệ					243.000	0	22.000	22.000	22.000	0	0	-22.000	0	0	0		
a	Dự án khởi công mới năm 2026					0	243.000	0	22.000	22.000	22.000	0	0	-22.000	0	0	0	
1	Dự án "Đầu tư, hoàn thiện và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030"	Huế	2026-2029			200.000		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0			Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
2	Dự án nâng cấp khu vực trưng bày hiện hữu: "Xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung thông minh gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số"	Huế	2026 - 2027			10.000		2.000	2.000	2.000	0	-2.000	0			Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
3	Phòng Thí nghiệm dùng chung (Đo lường, kiểm định chất lượng,...)	Huế	2026 - 2028			33.000		10.000	10.000	10.000	0	-10.000	0			Sở Khoa học và Công nghệ	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
VIII	Văn hóa, thông tin					0	196.000	0	170.000	40.000	40.000	70.000	30.000	0	0	0	0	
	Các thiết chế văn hoá khác						196.000	0	170.000	40.000	40.000	70.000	30.000	0	0	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					0	196.000	0	170.000	40.000	40.000	70.000	30.000	0	0	0	0	
1	Quảng trường Văn hóa Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế	Vỹ Dạ	2024-2027		1491 ngày 23/6/2023	196.000		170.000	40.000	40.000	70.000	30.000		0		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	HT 2026	
IX	Thể dục, thể thao					16.649	0	21.056	6.000	6.000	1.200	0	-4.800	0	0	0		
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					16.649	0	21.056	6.000	6.000	1.200	0	-4.800	0	0	0		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Vốn bố trí đầu tư		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số QĐ phê duyệt ĐA, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Tr.đó: Năm 2026			Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Tr.đó: NSTU								NSDP	NSTW			
I	San nền khu thiết chế Công đoàn tỉnh Thừa Thiên Huế và chỉnh tuyền khu Ba Cửa	Hương Thủy	2024-2026	7,9ha	2103 ngày 05/8/2024; 600 ngày 09/02/2026	16.649	0	21.056	6.000	6.000	1.200		-4.800	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	Tháng 2/2026, Điều chỉnh giảm TMDT 5.351 triệu đồng nên điều chỉnh giảm KH2026	
X	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội				0	120.000	10.000	60.500	20.000	20.000	35.000	15.000	0	0	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					120.000	10.000	60.500	20.000	20.000	35.000	15.000	0	0	0	0			
I	Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế	Thanh Thủy	2023-2026		1248 ngày 31/5/2023	120.000	10.000	60.500	20.000	20.000	35.000	15.000		0			Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	HT 2026	
XI	Quốc phòng					50.000	0	15.500	15.000	15.000	0	0	-15.000	0	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					50.000	0	15.500	15.000	15.000	0	0	-15.000	0	0	0			
I	Thao trường huấn luyện, Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	Phù Bài	2023-2026			50.000		15.500	15.000	15.000	0		-15.000	0			Đội Chỉ huy Quân sự thành phố Huế	Dự án chuyển bị đầu tư chậm	
XII	An ninh và trật tự an toàn xã hội					34.830	0	25.000	20.000	20.000	28.500	8.500	0	0	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					34.830	0	25.000	20.000	20.000	28.500	8.500	0	0	0	0			
I	Đầu tư hỗ trợ trang bị hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động của Công an thành phố Huế	nhiều phường, xã	2025-2027		3263 ngày 14/10/2025	34.830		25.000	20.000	20.000	28.500	8.500		0			Công an TP Huế	HT 2026	
XII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					150.945	0	50.000	50.000	50.000	50.000	35.926	-35.926	50.000	50.000	0			
I	Hoàn ứng trước ngân sách							50.000	50.000	50.000	50.000	35.926	-35.926	50.000	50.000			Phân khai bảng số giải ngân ứng trước	Giao UBND TP phân khai chi tiết
-	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư TĐC2 - đô thị mới An Vân Dương				1932 ngày 30/9/2014 1760 ngày 01/8/2018 354 ngày 9/2/2021	88.477				0	2.938	2.938		2.938	2.938		Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị TP Huế	Hoàn ứng NSDP	
-	Chỉnh trang đường Huỳnh Thúc Kháng (từ cầu Gia Hội đến cầu Đồng Ba)				2214/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	34.065				0	5.000	5.000		5.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Hoàn ứng NSDP	
-	Chỉnh trang các tuyến đường dọc sông Ngự Hà giai đoạn 1 (đoạn từ Cầu Kho đến cầu Khánh Ninh)				1740/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	19.988				0	19.988	19.988		19.988	19.988		Trung tâm Công viên Cây xanh TP Huế	Hoàn ứng NSDP	
-	Chỉnh trang bến thuyền du lịch Tòa Khâm				4018/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	8.415				0	8.000	8.000		8.000	8.000		Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng TP Huế	Hoàn ứng NSDP	
-	Hoàn ứng trước ngân sách còn lại									50.000	14.074		-35.926	14.074	14.074			Hoàn ứng NSDP; Giao UBND TP phân khai chi tiết	
XIII	Dự án chuyển tiếp cấp huyện (cũ) bàn chuyển lên thành phố					337.148	0	20.100	5.900	20.900	31.650	15.000	-4.250	0	0	0			
I	Đường dọc sông Như Ý thuộc khu B - Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Vân, TP Huế		2024-2026		8472 ngày 07/11/2022	328.048		15.000	0	15.000	30.000	15.000		0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	Đã giải quyết vướng mắc GPMB, đẩy nhanh tiến độ	
2	Chỉnh trang đô thị ngã tư An Lỗ, phường Phong An	Phong Thái	2024-2026		2530 ngày 18/03/2022	5.100		5.100	3.100	3.100	1.650		-1.450	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 2	HT2026, hết nhiệm vụ chỉ	
3	Hạ tầng khu chăn nuôi tập trung Phú Xuân	Phú Hồ	2025-2026		2111 ngày 30/5/2025	4.000		0	2.800	2.800	0		-2.800	0			Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	HT2026, hết nhiệm vụ chỉ	
D	Sự nghiệp xây dựng cơ bản (nguồn thu phí tham quan di tích)					302.947	0	136.081	63.000	63.000	63.000	25.500	-25.500	0	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp sang năm 2026					115.162	0	96.081	23.000	23.000	7.500	0	-15.500	0	0	0			
I	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực Hoàng Thánh		2017-2026		2691 ngày 31/10/2016 1695 ngày 24/5/2018	54.578		35.981	13.000	13.000	7.500		-5.500	0			Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	HT2026, hết nhiệm vụ chỉ	
2	Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Thiệu Trị (giai đoạn 3)	Thủy Xuân	2024-2026		3001 ngày 19/12/2023	60.584		60.100	10.000	10.000	0		-10.000	0			Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	HT2026, hết nhiệm vụ chỉ	
b	Dự án khởi công mới năm 2026					187.785	0	40.000	40.000	40.000	55.500	25.500	-10.000	0	0	0			
I	Tu bổ, phục hồi thích nghi Điện Thoại Thành thuộc quần thể di tích lăng Vua Gia Long	Phú Xuân	2025-2028		1137 ngày 06/4/2026	73.113		20.000	20.000	20.000	30.000	10.000		0			Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế		

Số TT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Vốn bổ tri đến nay		Kế hoạch năm 2026	Điều chỉnh kế hoạch năm 2026	Chênh lệch		Hoàn ứng năm 2026		Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số QĐ phê duyệt DA; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số			Tr.đó: Năm 2026	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trong đó	
						Tổng số	Tr.đó: NSTU										NSDP	NSTW
2	Dự án Chiếu sáng, trang trí nghệ thuật khu vực Quảng trường Ngọ Môn và một số tuyến đường trong Hoàng Thành	Phủ Xương	2026-2028			50.000		10.000	10.000	10.000	0		-10.000	0		Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Dự án chuẩn bị đầu tư chậm	
3	Phục hồi di tích Đại Cung Môn	Phủ Xương	2026-2027		1142 ngày 06/4/2026	64.672		10.000	10.000	10.000	25.500	15.500		0		Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế		